

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 18-10-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bò Quốc Khánh;
2. Ông Đoàn Văn Lước.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nhâm Hoàng Long- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy L, sinh năm 1972; thường trú: Ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Ấp V, xã M, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1973; thường trú: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Ấp V, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Bà Trần Thị Thúy L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy L và ông Huỳnh Hữu T tìm hiểu khoảng 05 (Năm) tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh,

được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 1, ngày 04/9/1996. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ chồng tại phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 02 năm sau, chuyển ra khỏi nhà cha mẹ chồng để tự làm ăn ở nhiều nơi đến năm 2015 chuyển về xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Từ khi kết hôn đến nay cuộc sống vợ chồng bà L không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình và vợ con. Cuộc sống gia đình do một mình bà L quán xuyến, vì các con bà L đã cố chịu đựng từ khi kết hôn đến nay và mong có ngày ông T thay đổi. Bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng nửa năm, không còn tình cảm với ông T. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T.

Về con chung: Quá trình chung sống có ba con chung, cháu Huỳnh Kim M, ngày 17/3/1997, cháu Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 13/01/2002 và cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15/5/2009. Hiện con chung do bà L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc L và cháu Huỳnh Tấn P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Huỳnh Kim M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn ông Huỳnh Hữu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 30/9/2019 bị đơn ông Huỳnh Hữu T trình bày:*

Thống nhất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng.

Về quan hệ hôn nhân ông Huỳnh Hữu T đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Thúy L.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà L, hai vợ chồng có ba con chung, cháu Huỳnh Kim M, ngày 17/3/1997, cháu Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 13/01/2002 và cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15/5/2009. Ông T đồng ý giao cháu Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 13/01/2002 và cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15/5/2009 cho bà L nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Trần Thị Thúy L và ông Huỳnh Hữu T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông T không chăm sóc vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông T cũng đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T, ông T cư trú tại ấp V, xã M, huyện U, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L và bị đơn Huỳnh Hữu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy L và ông Huỳnh Hữu T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/9/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số I, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị Thúy L xác định quá trình chung sống với ông Huỳnh Hữu T không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông Thành không dành tình cảm yêu thương cho vợ con. Bà L và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai, dẫn đến việc bà L không còn tình cảm với ông T, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; bản thân ông T thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn. Qua đó, chứng tỏ ông T không muốn hàn gắn tình cảm gia đình, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trần Thị Thúy L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Thúy L và ông Huỳnh Hữu T có 03 con chung, cháu Huỳnh Kim M, ngày 17/3/1997, cháu Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 13/01/2002 và cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15/5/2009. Xét hiện con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian sống ly thân, ông T không quan tâm, chăm sóc đến vợ con. Tại bản tự khai ngày 30/9/2019 hai cháu Huỳnh Tấn P và Huỳnh Ngọc L có nguyện vọng được sống chung với bà L. Do đó, giao con

chung cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các cháu, đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt, lành mạnh cả về thể chất và tinh thần. Cháu Huỳnh Kim M đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con bà Trần Thị Thúy L không yêu cầu ông Huỳnh Hữu T cấp dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy L được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T (Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số I do Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 04/9/1996).

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 13/01/2002 và cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15/5/2009 cho bà Trần Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thúy L không yêu cầu ông Huỳnh Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Thúy L và ông Huỳnh Hữu T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Huỳnh Hữu T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Trần Thị Thúy L nuôi con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Thúy L và ông Huỳnh Hữu T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0030702 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Quyết**